

Số: /QĐ-ĐHNLBG-NNTH

Bắc Giang, ngày tháng năm 2023

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thi và cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản**

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG

Căn cứ Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Thông tư số 21/2018/TT-BGDĐT ngày 24/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế Tổ chức và hoạt động của trung tâm ngoại ngữ, tin học;

Căn cứ Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang; Quyết định số 1805/QĐ-BNN-TCCB ngày 20/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn sửa đổi các khoản 3,4,5 Điều 3 Quyết định số 4663/QĐ-BNN-TCCB;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-ĐHNLBG-TCCB ngày 10/04/2015 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về việc thành lập Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học;

Căn cứ Quyết định số 3286/QĐ-BNN-TCCB ngày 22/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc tổ chức lại Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học thành tổ chức có tư cách pháp nhân;

Căn cứ Quyết định số 539/QĐ-ĐHNLBG-TCHC ngày 28/7/2021 của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang về quy định chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học;

Theo nội dung biên bản họp ngày 25/9/2023 và đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản - Đợt thi ngày 17/9/2023.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thi và công nhận danh sách 170 thí sinh đạt yêu cầu, được cấp chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, đợt thi ngày 17/9/2023 tại Hội đồng thi Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học trực thuộc Trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang.

(Có danh sách thí sinh đạt yêu cầu kèm theo)

**Điều 2.** Trưởng các đơn vị trực thuộc có liên quan và thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### Nơi nhận:

- BGH, CT HĐT (b/c);
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, NNTH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Mai Thị Huyền**

# DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT YÊU CẦU ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo Quyết định số:       /QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày        tháng        năm 2023  
của Hiệu trưởng trường Đại học Nông - Lâm Bắc Giang)

| TT | Số báo danh | Họ và tên            | Ngày sinh  | Nơi sinh    | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả |
|----|-------------|----------------------|------------|-------------|-----------|-------------|-----------|---------|
|    |             |                      |            |             |           | Trắc nghiệm | Thực hành |         |
| 1  | CNTT1796    | Nguyễn Công Tiến Anh | 01/06/2006 | Bắc Ninh    | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt     |
| 2  | CNTT1797    | Nguyễn Kim Anh       | 23/10/2004 | Bắc Ninh    | Nam       | 6,7         | 6,0       | Đạt     |
| 3  | CNTT1798    | Phạm Thị Mai Anh     | 05/12/2005 | Bắc Ninh    | Nữ        | 7,0         | 5,5       | Đạt     |
| 4  | CNTT1799    | Trần Nhật Anh        | 20/10/2006 | Bắc Ninh    | Nữ        | 6,7         | 6,5       | Đạt     |
| 5  | CNTT1800    | Nguyễn Ngọc Ánh      | 02/03/2006 | Bắc Ninh    | Nữ        | 7,0         | 6,0       | Đạt     |
| 6  | CNTT1801    | Nguyễn Thị Ánh       | 13/08/2006 | Bắc Ninh    | Nữ        | 6,5         | 6,0       | Đạt     |
| 7  | CNTT1802    | Dương Hoài Ân        | 26/10/2006 | Hồ Chí Minh | Nam       | 6,5         | 6,0       | Đạt     |
| 8  | CNTT1803    | Nguyễn Hữu Bình      | 22/10/2006 | Bắc Ninh    | Nam       | 7,2         | 6,0       | Đạt     |
| 9  | CNTT1804    | Nguyễn Văn Bình      | 20/02/2006 | Bắc Ninh    | Nam       | 6,0         | 6,0       | Đạt     |
| 10 | CNTT1805    | Ngô Đình Chiến       | 21/03/2006 | Bắc Ninh    | Nam       | 7,2         | 5,5       | Đạt     |
| 11 | CNTT1806    | Nguyễn Trung Chiến   | 21/07/2006 | Bắc Ninh    | Nam       | 6,2         | 6,5       | Đạt     |
| 12 | CNTT1807    | Nguyễn Thị Chúc      | 24/11/2005 | Bắc Ninh    | Nữ        | 7,0         | 5,5       | Đạt     |
| 13 | CNTT1808    | Nguyễn Phương Công   | 15/10/2005 | Bắc Ninh    | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |
| 14 | CNTT1809    | Nguyễn Đăng Cương    | 05/11/2006 | Bắc Ninh    | Nam       | 6,0         | 5,0       | Đạt     |
| 15 | CNTT1810    | Nguyễn Văn Cường     | 10/10/2006 | Bắc Ninh    | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt     |
| 16 | CNTT1811    | Nguyễn Thị Diệu      | 21/08/2006 | Bắc Ninh    | Nữ        | 6,0         | 6,5       | Đạt     |
| 17 | CNTT1812    | Phạm Thị Thùy Dung   | 05/07/2006 | Bắc Ninh    | Nữ        | 6,2         | 6,5       | Đạt     |
| 18 | CNTT1813    | Vũ Tiến Tấn Dũng     | 16/07/2006 | Bắc Ninh    | Nam       | 7,5         | 7,0       | Đạt     |
| 19 | CNTT1814    | Nguyễn Như Dương     | 01/07/2006 | Bắc Ninh    | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt     |
| 20 | CNTT1815    | Phan Văn Dương       | 07/04/2006 | Bắc Ninh    | Nam       | 7,0         | 5,0       | Đạt     |
| 21 | CNTT1816    | Lê Mạnh Đại          | 29/08/2006 | Bắc Ninh    | Nam       | 6,2         | 6,0       | Đạt     |
| 22 | CNTT1817    | Nguyễn Bá Đạt        | 24/12/2006 | Bắc Ninh    | Nam       | 6,0         | 6,0       | Đạt     |
| 23 | CNTT1818    | Nguyễn Hữu Đạt       | 02/01/2006 | Bắc Ninh    | Nam       | 6,7         | 6,0       | Đạt     |
| 24 | CNTT1819    | Nguyễn Văn Đạt       | 04/11/2006 | Bắc Ninh    | Nam       | 7,5         | 6,5       | Đạt     |
| 25 | CNTT1820    | Nguyễn Văn Đạt       | 06/07/2005 | Bắc Ninh    | Nam       | 6,0         | 5,5       | Đạt     |

| TT | Số báo danh | Họ và tên      |       | Ngày sinh  | Nơi sinh   | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả |
|----|-------------|----------------|-------|------------|------------|-----------|-------------|-----------|---------|
|    |             |                |       |            |            |           | Trắc nghiệm | Thực hành |         |
| 26 | CNTT1821    | Phan Bá Thành  | Đạt   | 25/11/2006 | Bắc Ninh   | Nam       | 6,7         | 6,0       | Đạt     |
| 27 | CNTT1822    | Chu Văn        | Đoàn  | 05/12/2005 | Bắc Ninh   | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt     |
| 28 | CNTT1823    | Nguyễn Thế     | Giang | 11/03/2006 | Bắc Ninh   | Nam       | 7,5         | 6,5       | Đạt     |
| 29 | CNTT1824    | Phùng Tiến     | Hải   | 21/12/2006 | Bắc Ninh   | Nam       | 6,5         | 6,5       | Đạt     |
| 30 | CNTT1825    | Nguyễn Minh    | Hiếu  | 09/12/2006 | Bắc Ninh   | Nam       | 6,7         | 6,5       | Đạt     |
| 31 | CNTT1826    | Trần Văn       | Hiếu  | 29/12/2006 | Bắc Ninh   | Nam       | 7,2         | 5,5       | Đạt     |
| 32 | CNTT1827    | Nguyễn Thị     | Hòa   | 25/09/2006 | Bắc Ninh   | Nữ        | 6,2         | 5,0       | Đạt     |
| 33 | CNTT1828    | Nguyễn Văn     | Hòa   | 24/07/2006 | Bắc Ninh   | Nam       | 6,2         | 6,0       | Đạt     |
| 34 | CNTT1829    | Trần Thị Thu   | Hoài  | 20/09/2006 | Bắc Ninh   | Nữ        | 6,5         | 5,5       | Đạt     |
| 35 | CNTT1830    | Nguyễn Chí     | Hoàng | 28/05/2006 | Bắc Ninh   | Nam       | 6,0         | 6,0       | Đạt     |
| 36 | CNTT1831    | Nguyễn Văn     | Hùng  | 09/04/2006 | Bắc Ninh   | Nam       | 7,5         | 5,5       | Đạt     |
| 37 | CNTT1832    | Nguyễn Thị Thu | Huyền | 27/01/2006 | Bắc Ninh   | Nữ        | 6,0         | 5,5       | Đạt     |
| 38 | CNTT1833    | Nguyễn Kim     | Huỳnh | 20/11/2006 | Bắc Ninh   | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt     |
| 39 | CNTT1834    | Nguyễn Kim     | Hưng  | 23/07/2006 | Bắc Ninh   | Nam       | 6,5         | 6,5       | Đạt     |
| 40 | CNTT1835    | Nguyễn Thị     | Hương | 24/05/2005 | Bắc Ninh   | Nữ        | 6,2         | 6,0       | Đạt     |
| 41 | CNTT1836    | Nguyễn Thị Thu | Hương | 04/10/2006 | Bắc Ninh   | Nữ        | 7,0         | 6,0       | Đạt     |
| 42 | CNTT1837    | Ngô Duy        | Khang | 09/11/2006 | Bắc Ninh   | Nam       | 6,7         | 6,5       | Đạt     |
| 43 | CNTT1838    | Nguyễn Tuấn    | Khanh | 24/03/2006 | Bắc Ninh   | Nam       | 6,5         | 6,0       | Đạt     |
| 44 | CNTT1839    | Hoàng Minh     | Khoa  | 19/10/2006 | Bắc Ninh   | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |
| 45 | CNTT1840    | Vũ Thị Minh    | Khuê  | 12/09/2006 | Bắc Ninh   | Nữ        | 7,0         | 5,5       | Đạt     |
| 46 | CNTT1841    | Nguyễn Đình    | Kiên  | 05/04/2006 | Bình Dương | Nam       | 6,2         | 6,0       | Đạt     |
| 47 | CNTT1842    | Nguyễn Kim     | Kiên  | 08/04/2005 | Bắc Ninh   | Nam       | 6,5         | 6,5       | Đạt     |
| 48 | CNTT1843    | Trần Bá        | Kiệt  | 15/01/2006 | Bắc Ninh   | Nam       | 6,2         | 6,0       | Đạt     |
| 49 | CNTT1844    | Ngô Tùng       | Lâm   | 09/09/2005 | Bắc Ninh   | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt     |
| 50 | CNTT1845    | Nguyễn Bá      | Lâm   | 25/03/2006 | Bắc Ninh   | Nam       | 6,2         | 6,0       | Đạt     |
| 51 | CNTT1846    | Nguyễn Đức     | Lâm   | 18/01/2006 | Bắc Ninh   | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt     |
| 52 | CNTT1847    | Nguyễn Văn     | Lâm   | 03/08/2006 | Bắc Ninh   | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |
| 53 | CNTT1848    | Nguyễn Văn     | Lập   | 06/02/2006 | Bắc Ninh   | Nam       | 6,5         | 6,5       | Đạt     |

| TT | Số báo danh | Họ và tên              | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả |
|----|-------------|------------------------|------------|-----------|-----------|-------------|-----------|---------|
|    |             |                        |            |           |           | Trắc nghiệm | Thực hành |         |
| 54 | CNTT1849    | Nguyễn Thị Linh        | 01/01/2006 | Bắc Ninh  | Nữ        | 6,7         | 6,0       | Đạt     |
| 55 | CNTT1850    | Nguyễn Thị Phương Linh | 18/12/2006 | Bắc Ninh  | Nữ        | 6,5         | 5,5       | Đạt     |
| 56 | CNTT1851    | Nguyễn Văn Linh        | 25/09/2006 | Bắc Ninh  | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |
| 57 | CNTT1852    | Vũ Văn Linh            | 16/12/2006 | Bắc Ninh  | Nam       | 7,0         | 6,0       | Đạt     |
| 58 | CNTT1853    | Nguyễn Thị Kiều Loan   | 25/05/2006 | Sóc Trăng | Nữ        | 6,2         | 6,0       | Đạt     |
| 59 | CNTT1854    | Nguyễn Văn Long        | 17/10/2005 | Bắc Ninh  | Nam       | 6,7         | 6,0       | Đạt     |
| 60 | CNTT1855    | Phan Thành Long        | 31/03/2006 | Bắc Ninh  | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |
| 61 | CNTT1856    | Trần Danh Long         | 17/04/2005 | Bắc Ninh  | Nam       | 6,5         | 6,5       | Đạt     |
| 62 | CNTT1857    | Vũ Văn Long            | 01/09/2006 | Bắc Ninh  | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |
| 63 | CNTT1858    | Nguyễn Văn Luân        | 05/01/2006 | Bắc Ninh  | Nam       | 7,5         | 6,0       | Đạt     |
| 64 | CNTT1859    | Nguyễn Công Minh       | 26/04/2006 | Bắc Ninh  | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |
| 65 | CNTT1861    | Đặng Đức Nam           | 01/05/2006 | Bắc Ninh  | Nam       | 6,0         | 6,0       | Đạt     |
| 66 | CNTT1862    | Trương Hải Nam         | 19/03/2006 | Bắc Ninh  | Nam       | 7,2         | 6,0       | Đạt     |
| 67 | CNTT1863    | Đỗ Thị Kim Ngân        | 13/12/2006 | Bắc Ninh  | Nữ        | 6,2         | 5,5       | Đạt     |
| 68 | CNTT1864    | Nguyễn Văn Nghiệp      | 09/04/2006 | Bắc Ninh  | Nam       | 7,0         | 6,0       | Đạt     |
| 69 | CNTT1865    | Xuân Đình Nguyễn       | 20/10/2006 | Bắc Ninh  | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |
| 70 | CNTT1866    | Hà Thị Bé Nhi          | 13/05/2006 | Sóc Trăng | Nữ        | 6,0         | 5,5       | Đạt     |
| 71 | CNTT1867    | Ngô Thị Ngọc Nhi       | 26/01/2006 | Bắc Ninh  | Nữ        | 6,7         | 6,0       | Đạt     |
| 72 | CNTT1868    | Cáp Thị Kim Oanh       | 18/10/2006 | Bắc Ninh  | Nữ        | 6,0         | 6,0       | Đạt     |
| 73 | CNTT1869    | Nguyễn Đình Phú        | 21/10/2006 | Bắc Ninh  | Nam       | 6,2         | 6,5       | Đạt     |
| 74 | CNTT1870    | Phạm Văn Phúc          | 15/12/2005 | Bắc Ninh  | Nam       | 7,5         | 5,5       | Đạt     |
| 75 | CNTT1871    | Nguyễn Hoàng Quang     | 19/04/2006 | Bắc Ninh  | Nam       | 6,2         | 6,0       | Đạt     |
| 76 | CNTT1872    | Nguyễn Thành Quân      | 02/08/2006 | Bắc Ninh  | Nam       | 7,0         | 5,0       | Đạt     |
| 77 | CNTT1873    | Nguyễn Văn Quyền       | 31/03/2006 | Bắc Ninh  | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |
| 78 | CNTT1874    | Nguyễn Văn Sáng        | 20/04/2006 | Bắc Ninh  | Nam       | 6,0         | 6,0       | Đạt     |
| 79 | CNTT1875    | Nguyễn Thị Huyền Sâm   | 25/09/2006 | Bắc Ninh  | Nữ        | 6,7         | 5,0       | Đạt     |
| 80 | CNTT1876    | Nguyễn Thị Son         | 02/09/2005 | Bắc Ninh  | Nữ        | 6,5         | 5,0       | Đạt     |
| 81 | CNTT1877    | Nguyễn Thế Tài         | 16/03/2006 | Bắc Ninh  | Nam       | 7,5         | 5,5       | Đạt     |

| TT  | Số báo danh | Họ và tên       |        | Ngày sinh  | Nơi sinh | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả |
|-----|-------------|-----------------|--------|------------|----------|-----------|-------------|-----------|---------|
|     |             |                 |        |            |          |           | Trắc nghiệm | Thực hành |         |
| 82  | CNTT1878    | Vũ Văn          | Tài    | 01/02/2006 | Bắc Ninh | Nam       | 6,7         | 6,0       | Đạt     |
| 83  | CNTT1879    | Phạm Trọng      | Thành  | 28/08/2006 | Bắc Ninh | Nam       | 6,5         | 6,5       | Đạt     |
| 84  | CNTT1880    | Nguyễn Thế      | Thảo   | 12/08/2006 | Bắc Ninh | Nam       | 7,5         | 5,5       | Đạt     |
| 85  | CNTT1881    | Nguyễn Thị      | Thảo   | 23/01/2006 | Bắc Ninh | Nữ        | 6,5         | 6,5       | Đạt     |
| 86  | CNTT1882    | Vũ Thị          | Thắm   | 07/12/2006 | Bắc Ninh | Nữ        | 6,7         | 6,0       | Đạt     |
| 87  | CNTT1883    | Nguyễn Đình     | Thắng  | 28/03/2006 | Bắc Ninh | Nam       | 7,2         | 6,0       | Đạt     |
| 88  | CNTT1884    | Nguyễn Kim      | Thịnh  | 19/10/2006 | Bắc Ninh | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |
| 89  | CNTT1885    | Ngô Anh         | Thư    | 02/09/2006 | Bắc Ninh | Nữ        | 6,2         | 5,5       | Đạt     |
| 90  | CNTT1886    | Hoàng Văn       | Tiến   | 06/10/2006 | Bắc Ninh | Nam       | 6,5         | 6,0       | Đạt     |
| 91  | CNTT1887    | Nguyễn Văn      | Tiến   | 05/01/2006 | Bắc Ninh | Nam       | 6,0         | 5,5       | Đạt     |
| 92  | CNTT1888    | Nguyễn Đức      | Tiếp   | 28/06/2006 | Bắc Ninh | Nam       | 7,5         | 6,0       | Đạt     |
| 93  | CNTT1889    | Nguyễn Duy      | Tính   | 16/09/2006 | Bắc Ninh | Nam       | 6,0         | 6,5       | Đạt     |
| 94  | CNTT1890    | Nguyễn Thị      | Tình   | 25/08/2006 | Bắc Ninh | Nữ        | 6,2         | 6,5       | Đạt     |
| 95  | CNTT1891    | Nguyễn Đức      | Toàn   | 24/10/2006 | Bắc Ninh | Nam       | 6,5         | 6,0       | Đạt     |
| 96  | CNTT1892    | Nguyễn Thị Thu  | Trang  | 07/11/2006 | Bắc Ninh | Nữ        | 6,2         | 5,5       | Đạt     |
| 97  | CNTT1893    | Nguyễn Thu      | Trang  | 23/02/2006 | Bắc Ninh | Nữ        | 7,0         | 6,0       | Đạt     |
| 98  | CNTT1894    | Nguyễn Thế      | Trọng  | 30/04/2005 | Bắc Ninh | Nam       | 6,7         | 5,5       | Đạt     |
| 99  | CNTT1895    | Nguyễn Nhân     | Trung  | 10/07/2006 | Bắc Ninh | Nam       | 6,5         | 6,0       | Đạt     |
| 100 | CNTT1896    | Sử Thành        | Trung  | 26/06/2006 | Bắc Ninh | Nam       | 6,2         | 6,5       | Đạt     |
| 101 | CNTT1897    | Nguyễn Hữu      | Trường | 09/09/2006 | Bắc Ninh | Nam       | 7,0         | 6,0       | Đạt     |
| 102 | CNTT1898    | Nguyễn Văn      | Trường | 30/11/2006 | Bắc Ninh | Nam       | 6,2         | 6,0       | Đạt     |
| 103 | CNTT1899    | Nguyễn Việt     | Trường | 13/08/2006 | Bắc Ninh | Nam       | 6,5         | 5,5       | Đạt     |
| 104 | CNTT1900    | Nguyễn Kim Mạnh | Tuấn   | 08/10/2006 | Bắc Ninh | Nam       | 6,2         | 5,0       | Đạt     |
| 105 | CNTT1901    | Nguyễn Minh     | Tuấn   | 08/05/2006 | Bắc Ninh | Nam       | 7,0         | 5,5       | Đạt     |
| 106 | CNTT1902    | Nguyễn Quang    | Tùng   | 17/09/2006 | Bắc Ninh | Nam       | 6,2         | 6,0       | Đạt     |
| 107 | CNTT1903    | Phan Duy        | Tùng   | 24/12/2006 | Bắc Ninh | Nam       | 6,7         | 5,0       | Đạt     |
| 108 | CNTT1904    | Nguyễn Anh      | Văn    | 23/01/2006 | Bắc Ninh | Nam       | 6,2         | 6,5       | Đạt     |
| 109 | CNTT1905    | Trần Danh       | Văn    | 22/03/2006 | Bắc Ninh | Nam       | 6,5         | 6,5       | Đạt     |

| TT  | Số báo danh | Họ và tên       |        | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả |
|-----|-------------|-----------------|--------|------------|-----------|-----------|-------------|-----------|---------|
|     |             |                 |        |            |           |           | Trắc nghiệm | Thực hành |         |
| 110 | CNTT1906    | Nguyễn Đức      | Vinh   | 15/02/2006 | Bắc Ninh  | Nam       | 6,7         | 6,0       | Đạt     |
| 111 | CNTT1907    | Nguyễn Trọng    | Vương  | 11/09/2004 | Bắc Ninh  | Nam       | 6,5         | 5,0       | Đạt     |
| 112 | CNTT1908    | Nguyễn Văn      | Vương  | 05/12/2006 | Bắc Ninh  | Nam       | 6,2         | 5,5       | Đạt     |
| 113 | CNTT1909    | Lê Phan Quốc    | Vượng  | 21/07/2006 | Bắc Ninh  | Nam       | 7,0         | 6,0       | Đạt     |
| 114 | CNTT1910    | Trần Thị Hoài   | Anh    | 30/12/1997 | Bắc Giang | Nữ        | 7,7         | 7,5       | Đạt     |
| 115 | CNTT1911    | Dương Thị       | Bích   | 01/12/1977 | Bắc Giang | Nữ        | 7,5         | 7,0       | Đạt     |
| 116 | CNTT1912    | Lê Thị          | Bích   | 06/04/1978 | Bắc Giang | Nữ        | 7,5         | 7,0       | Đạt     |
| 117 | CNTT1913    | Nguyễn Thị      | Châm   | 08/08/1997 | Bắc Giang | Nữ        | 8,0         | 7,5       | Đạt     |
| 118 | CNTT1914    | Lý Ty           | Doóng  | 16/05/1980 | Bắc Giang | Nam       | 7,5         | 7,0       | Đạt     |
| 119 | CNTT1915    | Nguyễn Thị      | Dung   | 11/08/1988 | Bắc Giang | Nữ        | 8,2         | 7,0       | Đạt     |
| 120 | CNTT1916    | Đỗ Văn          | Duy    | 02/10/1978 | Bắc Giang | Nam       | 7,5         | 7,0       | Đạt     |
| 121 | CNTT1917    | Nguyễn Thị Vĩnh | Hà     | 01/11/1976 | Bắc Giang | Nữ        | 7,7         | 7,5       | Đạt     |
| 122 | CNTT1918    | Đàm Thị Bích    | Hạnh   | 20/09/1982 | Bắc Giang | Nữ        | 8,0         | 7,5       | Đạt     |
| 123 | CNTT1919    | Đỗ Thị Hương    | Hào    | 07/09/1993 | Bắc Ninh  | Nữ        | 8,2         | 8,0       | Đạt     |
| 124 | CNTT1920    | Nguyễn Thị      | Hiên   | 23/07/1990 | Bắc Giang | Nữ        | 7,7         | 8,5       | Đạt     |
| 125 | CNTT1921    | Nguyễn Thị      | Liên   | 22/12/1976 | Bắc Giang | Nữ        | 8,0         | 7,0       | Đạt     |
| 126 | CNTT1922    | Hoàng Thị Ngọc  | Mai    | 21/12/1988 | Bắc Giang | Nữ        | 8,0         | 7,5       | Đạt     |
| 127 | CNTT1923    | Thân Đức        | Mạnh   | 22/01/1998 | Bắc Giang | Nam       | 8,2         | 8,5       | Đạt     |
| 128 | CNTT1924    | Nguyễn Thị      | Minh   | 08/10/1997 | Bắc Giang | Nữ        | 7,7         | 7,5       | Đạt     |
| 129 | CNTT1925    | Trương Minh     | Nam    | 15/10/1989 | Bắc Giang | Nam       | 8,0         | 7,5       | Đạt     |
| 130 | CNTT1926    | Nguyễn Thị Thuý | Nga    | 09/11/1999 | Bắc Giang | Nữ        | 8,2         | 7,0       | Đạt     |
| 131 | CNTT1927    | Tăng Thị Thanh  | Nga    | 20/05/1995 | Bắc Giang | Nữ        | 8,0         | 7,0       | Đạt     |
| 132 | CNTT1928    | Nguyễn Thị      | Ngà    | 27/04/1991 | Bắc Giang | Nữ        | 8,5         | 8,0       | Đạt     |
| 133 | CNTT1929    | Bùi Thị         | Nguyệt | 09/06/1992 | Bắc Giang | Nữ        | 8,0         | 8,5       | Đạt     |
| 134 | CNTT1930    | Nguyễn Thu      | Phương | 11/01/1979 | Bắc Giang | Nữ        | 7,5         | 7,0       | Đạt     |
| 135 | CNTT1931    | Nguyễn Văn      | Thành  | 19/06/1987 | Bắc Giang | Nam       | 7,7         | 7,5       | Đạt     |
| 136 | CNTT1932    | Nguyễn Văn      | Thành  | 23/02/1987 | Bắc Ninh  | Nam       | 7,5         | 7,0       | Đạt     |
| 137 | CNTT1933    | Nguyễn Thị      | Thảo   | 10/05/1999 | Bắc Giang | Nữ        | 8,0         | 8,5       | Đạt     |

| TT  | Số báo danh | Họ và tên        |        | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả |
|-----|-------------|------------------|--------|------------|-----------|-----------|-------------|-----------|---------|
|     |             |                  |        |            |           |           | Trắc nghiệm | Thực hành |         |
| 138 | CNTT1934    | Vũ Đức           | Thịnh  | 30/05/1977 | Bắc Giang | Nữ        | 7,7         | 7,0       | Đạt     |
| 139 | CNTT1935    | Lô Thị           | Thùy   | 13/12/1988 | Nghệ An   | Nữ        | 7,5         | 7,0       | Đạt     |
| 140 | CNTT1937    | Nguyễn Thị       | Tình   | 19/10/1980 | Bắc Giang | Nữ        | 7,5         | 8,0       | Đạt     |
| 141 | CNTT1938    | Lại Thu          | Trang  | 06/04/1994 | Bắc Giang | Nữ        | 7,7         | 7,5       | Đạt     |
| 142 | CNTT1939    | Nguyễn Văn       | Bình   | 10/11/1973 | Bắc Giang | Nam       | 8,0         | 7,0       | Đạt     |
| 143 | CNTT1940    | Nguyễn Văn       | Duy    | 24/05/1981 | Bắc Giang | Nam       | 7,7         | 7,5       | Đạt     |
| 144 | CNTT1941    | Vũ Khắc          | Đoàn   | 14/12/1971 | Bắc Ninh  | Nam       | 7,7         | 8,0       | Đạt     |
| 145 | CNTT1942    | Đông Phương Hồng | Giang  | 08/01/1976 | Bắc Giang | Nữ        | 7,5         | 7,0       | Đạt     |
| 146 | CNTT1943    | Trần Văn         | Giang  | 20/04/1986 | Bắc Giang | Nam       | 8,0         | 7,0       | Đạt     |
| 147 | CNTT1944    | Trần Thị         | Hà     | 25/03/1981 | Bắc Giang | Nữ        | 8,0         | 8,0       | Đạt     |
| 148 | CNTT1945    | Đoàn Ngọc        | Hạnh   | 25/10/1980 | Bắc Giang | Nam       | 7,7         | 8,0       | Đạt     |
| 149 | CNTT1946    | Nguyễn Thị       | Hằng   | 20/05/1975 | Bắc Giang | Nữ        | 7,5         | 7,5       | Đạt     |
| 150 | CNTT1947    | Trần Thị         | Huân   | 23/04/1981 | Bắc Giang | Nữ        | 7,7         | 7,0       | Đạt     |
| 151 | CNTT1948    | Hoàng Quang      | Hùng   | 12/04/1979 | Bắc Giang | Nam       | 8,0         | 7,0       | Đạt     |
| 152 | CNTT1949    | Nông Thị         | Huyền  | 02/09/1976 | Bắc Giang | Nữ        | 7,2         | 7,0       | Đạt     |
| 153 | CNTT1950    | Trần Thị         | Hương  | 24/02/1987 | Bắc Giang | Nữ        | 8,0         | 7,5       | Đạt     |
| 154 | CNTT1951    | Phạm Thị         | Mai    | 23/11/1984 | Bắc Giang | Nữ        | 8,0         | 7,0       | Đạt     |
| 155 | CNTT1952    | Phạm Thị         | Ngân   | 20/03/1989 | Bắc Giang | Nữ        | 8,2         | 7,5       | Đạt     |
| 156 | CNTT1953    | Vi Văn           | Ngọc   | 20/04/1977 | Bắc Giang | Nam       | 7,7         | 8,0       | Đạt     |
| 157 | CNTT1954    | Nguyễn Văn       | Nguyên | 31/12/1987 | Bắc Giang | Nam       | 8,0         | 7,0       | Đạt     |
| 158 | CNTT1955    | Nịnh Văn         | Nguyên | 10/06/1988 | Bắc Giang | Nam       | 8,2         | 7,5       | Đạt     |
| 159 | CNTT1956    | Phạm Thị         | Nhung  | 12/03/1988 | Phú Thọ   | Nữ        | 8,0         | 7,0       | Đạt     |
| 160 | CNTT1957    | Giáp Văn         | Phương | 12/03/1984 | Bắc Giang | Nam       | 8,5         | 8,0       | Đạt     |
| 161 | CNTT1958    | Phạm Văn         | Sang   | 13/09/1986 | Bắc Giang | Nam       | 8,0         | 8,0       | Đạt     |
| 162 | CNTT1959    | Ngô Thị          | Thảo   | 25/10/1977 | Bắc Giang | Nữ        | 7,5         | 7,0       | Đạt     |
| 163 | CNTT1960    | Hỷ Văn           | Thắng  | 13/02/1985 | Bắc Giang | Nam       | 7,7         | 7,0       | Đạt     |
| 164 | CNTT1961    | Nguyễn Minh      | Thi    | 12/07/1985 | Bắc Giang | Nữ        | 7,5         | 7,5       | Đạt     |
| 165 | CNTT1962    | Nguyễn Văn       | Thuận  | 12/11/1982 | Bắc Giang | Nam       | 8,0         | 7,0       | Đạt     |

| TT  | Số báo danh | Họ và tên         | Ngày sinh  | Nơi sinh  | Giới tính | Điểm        |           | Kết quả |
|-----|-------------|-------------------|------------|-----------|-----------|-------------|-----------|---------|
|     |             |                   |            |           |           | Trắc nghiệm | Thực hành |         |
| 166 | CNTT1963    | Hoàng Văn Tiến    | 23/06/1979 | Bắc Giang | Nam       | 7,7         | 7,0       | Đạt     |
| 167 | CNTT1964    | Trần Thị Trang    | 02/01/1989 | Bắc Ninh  | Nữ        | 8,0         | 7,5       | Đạt     |
| 168 | CNTT1965    | Nguyễn Văn Tý     | 13/09/1977 | Bắc Giang | Nam       | 8,0         | 7,0       | Đạt     |
| 169 | CNTT1966    | Lý Văn Vinh       | 17/06/1983 | Bắc Giang | Nam       | 8,2         | 7,0       | Đạt     |
| 170 | CNTT1967    | Nguyễn Hồng Xuyên | 04/09/1986 | Bắc Giang | Nam       | 7,7         | 7,0       | Đạt     |

*Số thí sinh được cấp chứng chỉ theo danh sách: 170./.*